

Bản án số: 3809/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 21 - 9 - 2023

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Nguyên Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Chu Mạnh Tường

2/ Bà Phan Thị Mai Hương

Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Giang, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Cao Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 2911/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2022, về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4400/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/7/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 5479/2023/QĐST-HNGĐ ngày 24/8/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1978

Căn cước công dân số: 042178000067

Thường trú: Số nhà R đường số V, khu phố X, phường Y, thành phố Z, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Nhật Q, sinh năm 1977

Căn cước công dân số: 079077014215

Thường trú: Số nhà R đường số V, khu phố X, phường Y, thành phố Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cư trú: Số nhà K đường L, khu phố X, phường Y, thành phố Z, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 31 tháng 10 năm 2022 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án bà Nguyễn Thị M trình bày:

Bà và ông Nguyễn Nhật Q tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 20/7/2001. Cuộc sống chung vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, thỉnh thoảng cũng nảy sinh mâu thuẫn nhưng tự giải quyết. Tuy nhiên, trong quá trình sống chung ông Q thiếu sự quan tâm, chia sẻ với bà, sử dụng những từ ngữ xúc phạm bà, có nhiều lần đánh đập bà. Cuộc sống chung vợ chồng giữa bà và ông Q không hạnh phúc. Bà đã nhiều lần cho ông Q cơ hội để sửa chữa nhưng ông Q không thay đổi. Vì vậy, bà đã tách ra sống riêng từ năm 2022 cho đến nay. Trong thời gian ly thân ông Q có liên lạc với bà để hàn gắn quan hệ vợ chồng nhưng do bà không còn tin tưởng ông Q nên bà không muốn hàn gắn. Đến nay, bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn ông Nguyễn Nhật Q.

Con chung: Trong quá trình chung sống, bà và ông Q có hai con chung tên Nguyễn Minh K, sinh ngày 17/6/2000 và Nguyễn Minh Tú N, sinh ngày 03/3/2002. Các con chung đã trưởng thành.

Tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có.

Tại bản tự khai ngày 15 tháng 12 năm 2022 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án ông Nguyễn Nhật Q trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị M có tổ chức đám cưới vào năm 1999, đến năm 2001 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Bình Chiểu, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời điểm phát sinh mâu thuẫn là ngày 27/10/2022, ông và bà Minh sống hai nơi nhưng vẫn sinh hoạt bình thường. Hiện tại, ông không đồng ý ly hôn trong thời điểm này.

Con chung: Trong quá trình chung sống, ông và bà Minh có hai con chung tên Nguyễn Minh K, sinh ngày 17/6/2000 và Nguyễn Minh Tú N, sinh ngày 03/3/2002. Các con chung đã trưởng thành.

Tài sản chung: Không có

Nợ chung: có nợ bà Nguyễn Thị Huệ, bà Nguyễn Thị Thiên, bà Nguyễn Thị Tươi.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn ông Nguyễn Nhật Q đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên có vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử cần rút kinh nghiệm. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy

định của pháp luật, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị M được ly hôn ông Nguyễn Nhật Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ đơn xin ly hôn của bà Nguyễn Thị M thì quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp ly hôn” được quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn thực tế cư trú tại số nhà 82 đường 13, khu phố 5, phường Bình Chiểu, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn: Tại phiên tòa, ông Nguyễn Nhật Q vắng mặt nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Q.

[2] Về nội dung: xét, bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Nhật Q có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức, (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số 76/2001 ngày 20/7/2001 nên quan hệ hôn nhân giữa bà Minh và ông Q là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị M, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại bản tự khai ngày 15/12/2022 ông Nguyễn Nhật Q không đồng ý ly hôn, mặc dù thừa nhận thời điểm phát sinh mâu thuẫn là ngày 27/10/2022 và xác nhận ông và bà Minh đã tách ra sống riêng, nhưng ông cho rằng cuộc sống vợ chồng vẫn sinh hoạt bình thường. Tuy nhiên, tại buổi hòa giải ngày 27/4/2023, bà Minh vẫn cương quyết ly hôn nên ông cũng đồng ý ly hôn nhưng ông không ký vào biên bản hòa giải mà tự ý bỏ về. Vì vậy, nhận thấy thực tế tình trạng hôn nhân của đôi bên đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, đời sống chung không thể kéo dài, khả năng đoàn tụ không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, việc bà Minh có đơn yêu cầu được ly hôn với ông Q là có căn cứ, phù hợp với Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

Con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Minh K, sinh ngày 17/6/2000 và Nguyễn Minh Tú N, sinh ngày 03/3/2002 đã trưởng thành.

Tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Nợ chung: Tại bản tự khai và biên bản hòa giải ông Nguyễn Nhật Q cho rằng trong thời kỳ hôn nhân có nợ chung và sẽ cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Ngày 28/4/2023 Tòa án đã ra thông báo về việc cung cấp chứng cứ yêu cầu ông Nguyễn Nhật Q trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo phải cung cấp năm sinh, địa chỉ cụ thể của các chủ nợ. Tuy nhiên, đã hết thời hạn được thông báo mà ông Nguyễn Nhật Q vẫn không thực hiện yêu cầu nêu trên nên Hội đồng xét xử căn cứ lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M xác định không có nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức phát biểu ý kiến đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp, đúng quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: bà Nguyễn Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng) theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51; 56; 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M;

Bà Nguyễn Thị M được ly hôn ông Nguyễn Nhật Q.

2. Con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Minh K, sinh ngày 17/6/2000 và Nguyễn Minh Tú Nhi, sinh ngày 03/3/2002 đã trưởng thành.

3. Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí: Bà Nguyễn Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà Minh đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0006912 ngày 17/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền và thời hạn kháng cáo: Các đương sự không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.Thủ Đức;
- CCTHADS TP.Thủ Đức;
- Đương sự;
- UBND phường Y,
Thành phố Z, TP.Hồ Chí Minh;
- Lưu: VP, Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Nguyên Hà